

Số: 2846/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 17 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công
nguồn ngân sách địa phương năm 2019

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 05/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2191/TTr-SKHĐT ngày 14/12/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2019 cho các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện *(Có các biểu kế hoạch vốn chi tiết kèm theo)*.

Điều 2.

1. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư thường xuyên kiểm tra, theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công; tham mưu UBND tỉnh họp giao ban XDCB định kỳ hàng tháng để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án giai đoạn 2021-2025.

2. Giao Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh phân bổ chi tiết danh mục vốn Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS giai đoạn 2019-2020 trong tháng 01/2019.

3. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện:

- Triển khai kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2019 được Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho các đơn vị, chủ đầu tư trực thuộc (sau khi đã thông qua Hội đồng nhân dân cùng cấp) và báo cáo kết quả giao vốn về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trước ngày 15/01/2019 để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Phương án phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2019 cho các dự án phải phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 của huyện, thị xã, thành phố.

- Việc phân bổ vốn năm 2019 phải đảm bảo theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Bố trí vốn để thanh toán dứt điểm nợ đọng XDCB, trả nợ vay.

+ Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2019.

+ Các công trình chuyên tiếp theo tiến độ được duyệt.

+ Sau khi bố trí đủ vốn cho các dự án nêu trên, nếu còn vốn mới bố trí cho các dự án khởi công mới năm 2019, đảm bảo thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015, Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ; dự án có trong kế hoạch trung hạn 2016-2020 đến ngày 31/10/2018 đã phê duyệt dự án.

- Mức vốn kế hoạch năm 2019 của từng dự án không được vượt quá tổng mức vốn kế hoạch đầu tư giai đoạn 2019-2020 còn lại của từng dự án.

- Việc triển khai giao kế hoạch vốn phải đảm bảo đúng cơ cấu về nguồn vốn do Ủy ban nhân dân tỉnh giao và khả năng huy động của địa phương cho các xã nông thôn mới về đích năm 2019.

- Bố trí vốn XDCB phải đảm bảo đúng tính chất, nội dung, không bố trí vốn cho các công trình phải sử dụng nguồn vốn sự nghiệp như công trình duy tu, sửa chữa, bảo trì các cơ sở vật chất hiện có.

4. Giao các Sở, ngành: Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế và các đơn vị có liên quan thực hiện tốt công tác đấu giá quyền sử dụng đất và định giá đất đối với dự án đấu giá quyền sử dụng đất để đảm bảo nguồn thu theo dự toán đã giao; căn cứ tiến độ thu ngân sách, Sở Tài chính kịp thời nhập Tabmis để tạo điều kiện cho các chủ đầu tư giải ngân các nguồn vốn.

5. Giao Kho bạc Nhà nước Bình Phước chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư vận hành hệ thống Tabmis báo cáo giải ngân kế hoạch vốn đã giao đảm bảo chính xác, kịp thời.

6. Các chủ đầu tư: Khẩn trương triển khai thực hiện dự án sau khi nhận được quyết định giao chi tiết kế hoạch vốn năm 2019. Các công trình khởi công mới phải được đấu thầu qua mạng theo kế hoạch tổng thể, lộ trình được phê duyệt và khởi công chậm nhất trong 4 tháng đầu năm 2019; chủ động có giải pháp cụ thể tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc đền bù, giải phóng mặt

bằng, đấu thầu, đẩy nhanh tiến độ thi công công trình, dự án. Lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực kỹ thuật và tài chính, kinh nghiệm để triển khai đúng tiến độ thi công, bảo đảm chất lượng công trình, hàng hóa, dịch vụ; khẩn trương hoàn thiện hồ sơ của các công trình, dự án có khối lượng được nghiệm thu, làm thủ tục thanh toán ngay với Kho bạc nhà nước, không dồn vốn vào cuối năm mới thanh toán. Đối với các dự án hoàn thành đưa vào sử dụng, phải khẩn trương phê duyệt quyết toán, giải ngân hết số vốn cho các nhà thầu.

7. Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố: Chủ động tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch. Kiên quyết xử lý nghiêm và kịp thời các tổ chức, cá nhân, lãnh đạo, cán bộ, công chức vi phạm quy định của pháp luật và cố tình cản trở, gây khó khăn, làm chậm tiến độ giao, thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công. Thay thế kịp thời những cán bộ, công chức yếu kém về năng lực, trình độ hoặc suy thoái về đạo đức nghề nghiệp, gây những nhiễu, tiêu cực hoặc thao túng, chi phối trong quản lý vốn đầu tư công, đấu thầu; kiên quyết xử lý các hành vi tiêu cực như thông thầu, gian lận, cản trở, hối lộ, can thiệp bất hợp pháp; Định kỳ trước ngày 25 hằng tháng báo cáo chi tiết tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 gửi các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, đồng gửi Văn phòng UBND tỉnh.

8. Các sở chuyên ngành: Tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai, tổ chức thực hiện các quy định về lập, thẩm định dự án đầu tư xây dựng, thiết kế dự toán xây dựng công trình; giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

9. Các cơ quan thanh tra, kiểm tra: Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2019, bảo đảm đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí và tuân thủ đúng quy định của pháp luật; Công khai và làm rõ trách nhiệm tổ chức, cá nhân gây chậm trễ trong việc giao vốn, chậm giải ngân; kịp thời kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân gây cản trở, trì trệ, thiếu trách nhiệm trong việc giao vốn và giải ngân vốn đầu tư công.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- VPQH, VPCP, Bộ: KH&ĐT, TC;
- TTTU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Huyện, Thị ủy, Thành ủy, TT. HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các Phòng, Trung tâm;
- Lưu: VT, (196Binh-17/12).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trâm

Biểu số 1
TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
 (Kèm theo Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2019		Ghi chú
		Tổng số	Trong nước	
	TỔNG SỐ	2.634.367	2.634.367	
I	Nguồn đầu tư trong cân đối NSĐP	2.614.367	2.614.367	
1	Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại Quyết định 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ	516.905	516.905	
2	Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	1.637.462	1.637.462	
	Trong đó:			
-	Vốn tỉnh quản lý	390.000	390.000	
-	Vốn huyện, thị, thành phố quản lý	1.247.462	1.247.462	
3	Vốn xổ số kiến thiết	460.000	460.000	
II	Nguồn hỗ trợ của TP. HCM	20.000	20.000	

Ghi chú: Tiền SDD khối tỉnh năm 2019 là 868 tỷ 889 triệu đồng, trong đó để lại 150 tỷ đồng chi sự nghiệp duy tu, sửa chữa các tuyến đường giao thông và dự án bảo tồn văn hóa Stiêng Sóc Bom Bo; để lại 68 tỷ 889 triệu đồng chi sự nghiệp hạ tầng công nghệ thông tin.

Biểu số 2
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2018	Kế hoạch vốn năm 2019					Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT				Tổng cộng	Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TPHCM		
			Tổng số (tất cả các nguồn)	Trong đó NSDP									
	TỔNG CỘNG		3.687.681	2.565.958	2.832.680	1.419.624	2.634.367	516.905	1.637.462	460.000	20.000		
A	Trả nợ				626.950	478.950	117.000	117.000	-	-	-		
-	Trả nợ vay tín dụng ưu đãi 2011-2015				406.950	328.950	47.000	47.000				Sở Tài chính	
-	Hoàn trả nguồn cải cách tiền lương				220.000	150.000	70.000	70.000				Sở Tài chính	
B	Vốn huyện, thị, thành phố quản lý						1.481.712	234.250	1.247.462	-	-		
I	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố						1.351.712	234.250	1.117.462	-	-		
I	Thành phố Đồng Xoài						254.890	22.890	232.000				
	Trong đó:												
-	Hỗ trợ thành phố Đồng Xoài GPMB dự án xây dựng kè và nạo vét hồ Suối Cam						130.000		130.000				
-	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%						30.600		30.600				
2	Thị xã Bình Long						69.100	20.760	48.340				
	Trong đó:												
-	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%						14.500		14.500				
3	Thị xã Phước Long						360.640	18.640	342.000				
	Trong đó:												
-	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%						102.600		102.600				
4	Huyện Đồng Phú						74.210	21.690	52.520				
	Trong đó:												
-	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%						15.750		15.750				
5	Huyện Bù Đốp						85.410	24.490	60.920				
	Trong đó:												
-	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%						18.270		18.270				
6	Huyện Bù Gia Mập						47.850	21.290	26.560				
	Trong đó:												
-	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%						7.970		7.970				
7	Huyện Chơn Thành						183.330	20.890	162.440				
	Trong đó:												
-	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%						48.700		48.700				
8	Huyện Hớn Quản						40.142	20.890	19.252				
	Trong đó:												
-	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%						5.770		5.770				
9	Huyện Lộc Ninh						81.390	23.420	57.970				
	Trong đó:												
-	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%						17.390		17.390				
10	Huyện Bù Đốp						61.620	19.300	42.320				
	Trong đó:												
-	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%						12.700		12.700				

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2018	Kế hoạch vốn năm 2019					Chủ đầu tư	Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng cộng	Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TPHCM			
			Tổng số (tất cả các nguồn)										Trong đó NSDP
11	Huyện Phú Riềng					93.130	19.990	73.140					
	Trong đó:												
-	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%					21.950		21.950					
II	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới					130.000		130.000			UBND các huyện	Giao Văn phòng điều phối CTMTQG xây dựng NTM tỉnh tham mưu UBND tỉnh phân bổ. Trong đó ưu tiên xây dựng đường giao thông nông thôn	
C	Chương trình đầu tư phát triển kinh tế xã hội tuyến biên giới Việt Nam -Campuchia (theo QĐ 160/2007/QĐ-TTg, ngày 17/10/2007)			37.500	22.500	7.500	7.500				Đầu tư cho 15 xã biên giới, định mức 500 triệu đồng/xã	Giao UBND huyện phân bổ chi tiết vốn cho từng dự án	
1	Huyện Bù Gia Mập			5.000	3.000	1.000	1.000						
2	Huyện Bù Đốp			15.000	9.000	3.000	3.000						
3	Huyện Lộc Ninh			17.500	10.500	3.500	3.500						
D	Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS giai đoạn 2019-2020			46.700	30.000	10.000	10.000				UBND các huyện	Giao Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh phân bổ chi tiết	
E	Bổ sung vốn điều lệ của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã (theo QĐ 23/2017/QĐ-TTg ngày 22/6/2017 của Thủ tướng CP)			6.000	3.000	3.000	3.000				Liên Minh hợp tác xã tỉnh		
F	Vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án giai đoạn 2021-2025					31.740			31.740			Giao Sở KH&ĐT tham mưu UBND tỉnh phân bổ chi tiết	
G	Vốn thực hiện dự án		3.687.681	2.565.958	2.115.530	885.174	983.415	145.155	390.000	428.260	20.000		
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2019		2.763.997	1.714.178	1.359.650	864.699	434.960	14.800	226.000	174.160	20.000		
I	Đối ứng các dự án ODA		494.603	25.000	25.000	14.304	10.600			10.600			
1	Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước	2016/QĐ-UBND ngày 27/07/2016	494.603	25.000	25.000	14.304	10.600			10.600		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	



STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2018	Kế hoạch vốn năm 2019					Chủ đầu tư	Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng cộng	Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TPHCM			
			Tổng số (tất cả các nguồn)										Trong đó NSDP
II	Nông lâm nghiệp và nông thôn		226.509	221.509	344.250	213.100	78.000	3.000	-	75.000			
1	Dự án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước	2696/QĐ-UBND ngày 26/10/2016; 1448/QĐ-UBND ngày 13/6/2017	25.509	20.509	18.000	15.000	3.000	3.000				Chi cục kiểm lâm	
2	Trả nợ mua xi măng của Chương trình xây dựng NTM năm 2018		201.000	201.000	326.250	198.100	75.000			75.000		Văn phòng điều phối CTMTQG xây dựng NTM tỉnh	
III	Công nghiệp và hạ tầng các khu công nghiệp		805.673	230.457	144.000	90.895	52.970		52.970				
1	XD công trình cấp điện nông thôn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020 (đối ứng NSTW)	1153/QĐ-UBND ngày 04/6/2014	676.725	101.509	20.000	18.115	1.800		1.800			Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
2	Các tuyến đường số 2, 3, 4, 5 và 7 KCN Đồng Xoài I	980/QĐ-UBND ngày 9/5/2018	79.973	79.973	80.000	34.000	45.970		45.970			Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
3	Hệ thống thoát nước ngoài hàng rào KCN Becamex Bình Phước	1944/QĐ-UBND ngày 08/8/2017	48.975	48.975	44.000	38.780	5.200		5.200			Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
IV	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị		583.147	583.147	320.600	177.860	136.130	6.800	129.330				
1	Hai tuyến đường phục vụ Công viên văn hóa tỉnh (đường Nguyễn Chánh và đường QH số 30)	2706/QĐ-UBND ngày 23/11/2010	41.794	41.794	6.800		6.800	6.800				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
2	Nâng cấp đường giao thông vào nhà máy xi măng Minh Tâm, huyện Hớn Quản	2769/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	30.000	30.000	28.000	15.860	12.000		12.000			UBND huyện Hớn Quản	
3	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	2818/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	320.000	320.000	123.800	56.000	61.330		61.330			Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
4	Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT 752 (đoạn thị xã Bình Long đi trường chuyên Bình Long)	2784/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	91.000	91.000	72.000	32.000	40.000		40.000			UBND TX Bình Long	
5	Đường số 7 (đoạn còn lại) và một tuyến khác thuộc khu dân cư Bắc tỉnh lý, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài	2781/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	34.353	34.353	30.000	24.000	6.000		6.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
6	Đường ĐT 759B đoạn từ bến xe mới đi xã Thiện Hưng huyện Bù Đốp	2185/QĐ-UBND ngày 05/9/2017	66.000	66.000	60.000	50.000	10.000		10.000			UBND huyện Bù Đốp	
V	Giáo dục - Đào tạo		397.242	397.242	339.000	235.440	103.560			83.560	20.000		
1	Trường MN Hòa Mĩ, TX Đồng Xoài (GD2)	2827/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	20.000	20.000	20.000	8.000	12.000			12.000		UBND Thành phố Đồng Xoài	
2	Trường Mẫu giáo thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh	2795/QĐ-UBND ngày 11/10/2013	67.318	67.318	52.000	37.200	14.800			14.800		UBND huyện Lộc Ninh	
3	Trường THPT huyện Lộc Ninh	2709/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	59.926	59.926	54.000	32.440	21.560			21.560		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2018	Kế hoạch vốn năm 2019					Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT				Tổng cộng	Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TPHCM		
			Tổng số (tất cả các nguồn)	Trong đó NSDP									
4	Trường cấp 2,3 Minh Hưng huyện Chợ Thành	2767/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	49.998	49.998	43.000	27.800	15.200			15.200		UBND huyện Chợ Thành	
5	Trường THPT Đồng Phú, huyện Đồng Phú	2636/QĐ-UBND ngày 24/10/2016	100.000	100.000	90.000	70.000	20.000			20.000		UBND huyện Đồng Phú	
6	Trường THPT Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập	807/QĐ-UBND ngày 10/4/2017	100.000	100.000	80.000	60.000	20.000				20.000	UBND huyện Bù Gia Mập	
VI	Văn hóa - xã hội		105.000	105.000	95.000	70.800	24.200		24.200				
1	Dự án xây dựng kè và nạo vét hồ Suối Cam	2054/QĐ-UBND ngày 21/8/2017	105.000	105.000	95.000	70.800	24.200			24.200		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
-VII	Quốc Phòng - An Ninh		151.823	151.823	91.800	62.300	29.500	5.000	19.500	5.000			
1	Xây dựng các công trình khu vực phòng thủ	29/QĐ-BCH ngày 13/6/2018; 24/QĐ-BCH ngày 08/6/2018	32.000	32.000	20.000	15.000	5.000	5.000				Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
2	Nhà khách và nhà ở công vụ cho cán bộ chiến sĩ Công an tỉnh Bình Phước	2784/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	28.323	28.323	11.500	7.000	4.500			4.500		Công an tỉnh	
3	Xây dựng trụ sở đội PCCC và CNCH huyện Lộc Ninh	2843/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	28.000	28.000	25.000	15.000	10.000			10.000		Công an tỉnh	
4	Xây dựng các hạng mục hạ tầng Sở chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	2844/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	15.300	15.300	15.300	10.300	5.000			5.000		Bộ chỉ huy BĐBP tỉnh	
5	Xây dựng nhà ở chiến sỹ, nhà ăn, hội trường và hồ bơi Trung đoàn 736 tỉnh Bình Phước	2725/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	48.200	48.200	20.000	15.000	5.000			5.000		Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
	Dự án khởi công mỗi năm 2019		923.684	851.780	755.880	20.475	548.455	130.355	164.000	254.100			
1	Công nghiệp và hạ tầng các khu công nghiệp		119.319	59.319	59.400	4.500	54.470	45.470	9.000				
1	Mương thoát nước ngoài hàng rào Khu CN Tân Khai II	2356/QĐ-UBND ngày 15/10/2018	14.741	14.741	14.900	1.000	13.700	13.700				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
2	Mương thoát nước ngoài hàng rào Khu CN Đồng Xoài III	2813/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 936/QĐ-UBND ngày 2/5/2018	10.204	10.204	10.000	1.000	9.000	9.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
3	Xây dựng mương thoát nước áp 7 xã Minh Hưng huyện Chợ Thành (ngoài hàng rào KCN Minh Hưng-Chợ Thành)	2612/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	8.975	8.975	9.000		8.970	8.970				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
4	Mương thoát nước ngoài hàng rào KCN Minh Hưng Sikiiko	2459/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	14.810	14.810	15.000	1.000	13.800	13.800				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	

STT	Dan h mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2018	Kế hoạch vốn năm 2019					Chủ đầu tư	Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng cộng	Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TPHCM			
			Tổng số (tất cả các nguồn)										Trong đó NSDP
5	Tiểu dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2018-2020 - Vốn ODA do EU tài trợ (đổi ứng NS tỉnh)	2090/QĐ-UBND ngày 5/9/2018	70.589	10.589	10.500	1.500	9.000		9.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
II	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị		521.520	509.616	479.250	11.700	299.385	41.685	155.000	102.700			
1	Đường từ Bù Nho đi Phước Tân, huyện Phú Riềng	2450/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	94.981	94.981	80.000	3.000	37.200	37.200				UBND huyện Phú Riềng	
2	Đầu nối hạ tầng khu dân cư Phú Thịnh (giai đoạn 1) Phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài với đường Hồ Xuân Hương	2713/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	4.490	4.490	4.600		4.485	4.485				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
3	Đường GTNT Bom Bo-Đak Nhau	2850/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	44.684	44.684	45.000	1.700	28.250		28.250			UBND huyện Bù Đăng	
4	Kè và hệ thống đường giao thông dọc hai bên suối Đồng Tiền - suối Tâm Vọng TX Đồng Xoài	2137/QĐ-UBND ngày 10/9/2018	150.000	150.000	150.000	4.000	75.000		75.000			UBND Thành phố Đồng Xoài	
5	Đường ĐT.760 nối dài từ xã Phú Nghĩa đi xã Đa Kìa, Phước Minh - huyện Bù Gia Mập	2456/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	98.000	98.000	84.600	3.000	40.000		40.000			UBND huyện Bù Gia Mập	
6	Láng nhựa đường từ ngã 3 Phước Lộc đi bên đò xã Phước Tín, TX Phước Long	2489a/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	11.904	11904	11.750		11.750		11.750			UBND TX Phước Long	
7	Đường từ xã An Khương-Trà Thanh-Thành an huyện Hớn Quản	2485/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	20.000	20.000	18.000		18.000			18.000		UBND huyện Hớn Quản	
8	Đường vào khu nhà ở xã hội xã Tiến Hưng TX Đồng Xoài	1644/QĐ-UBND ngày 16/7/2018	14.498	14.498	15.000		14.400			14.400		UBND Thành phố Đồng Xoài	
9	Đường giao thông liên xã Long Hà đi Long Bình huyện Phú Riềng	2798/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	10.800	10.800	10.000		10.000			10.000		UBND huyện Phú Riềng	
10	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 759B đoạn trung tâm xã Thiện Hưng đi trung tâm xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp	2352/QĐ-UBND ngày 11/10/2018	72.163	72.163	60.300		60.300			60.300		UBND huyện Bù Đốp	
III	Giáo dục - Đào tạo		237.765	237.765	172.150	2.475	151.400	-	-	151.400	-		
1	Trường mẫu giáo Tân Tiến huyện Bù Đốp	2815/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	18.000	18.000	18.000		18.000			18.000		UBND huyện Bù Đốp	
2	Hồ bơi, sân bóng đá mini Trường THPT chuyên Quang Trung, thị xã Đồng Xoài	2779/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	9.000	9.000	9.000		9.000			9.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
3	Hồ bơi Trường THPT chuyên Bình Long, thị xã Bình Long	2840/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	9.900	9.900	9.000		9.000			9.000		UBND TX Bình Long	
4	Trường Mầm non Minh Thành, huyện Chơn Thành	2472/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	34.865	34.865	31.400	1.000	31.400			31.400		UBND huyện Chơn Thành	
5	Trường Mầm non Hoa Hồng, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú	2486/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	20.000	20.000	18.000	700	18.000			18.000		UBND huyện Đồng Phú	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2018	Kế hoạch vốn năm 2019					Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT				Tổng cộng	Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TPHCM		
			Tổng số (tất cả các nguồn)	Trong đó NSDP									
6	Trường tiểu học Trương Định huyện Bù Gia Mập	2466/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	21.500	21.500	21.500		21.500			21.500		UBND huyện Bù Gia Mập	
7	Trường tiểu học Bình Thẳng B huyện Bù Gia Mập	2651/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	4.500	4.500	4.500		4.500			4.500		UBND huyện Bù Gia Mập	
8	Dự án xây dựng ký túc xá Trường chính trị tỉnh	2841/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	120.000	120.000	60.750	775	40.000			40.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
IV	Văn hóa - xã hội		19.080	19.080	19.080	-	19.000	19.000					
1	Xây dựng hàng rào Khu căn cứ bộ chỉ huy miền Tà Thiết (giai đoạn 2).	2502/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	14.200	14.200	14.200		14.200	14.200				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
2	Trần xá lữ kết hợp cầu giao thông nội bộ và công xá bùn cát tại di tích căn cứ Bộ chỉ huy quân giải phóng miền Nam Việt Nam 1972-1975	2504/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	4.880	4.880	4.880		4.800	4.800				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
V	Quốc Phòng - An Ninh		26.000	26.000	26.000	1.800	24.200	24.200	-	-	-		
1	Đồn công an Khu công nghiệp huyện Chợ Thành	45/QĐ-BQL ngày 25/10/2018	12.500	12.500	12.500	900	11.600	11.600				Công an tỉnh	
2	Đồn công an Khu công nghiệp huyện Đồng Phú	44/QĐ-BQL ngày 25/10/2018	13.500	13.500	13.500	900	12.600	12.600				Công an tỉnh	